

Số: 10 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện quy định trong tự chủ mở ngành đào tạo các trình độ giáo dục đại học và các điều kiện bảo đảm ngành đào tạo đối với Trường Đại học Thủ Dầu Một

Thực hiện Quyết định số 60/QĐ-TTr ngày 28/8/2023 của Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thanh tra việc thực hiện quy định trong tự chủ mở ngành đào tạo các trình độ giáo dục đại học (ĐH) và các điều kiện bảo đảm ngành đào tạo đối với Trường Đại học Thủ Dầu Một (ĐHTDM), Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 19/BC-ĐTTr ngày 29/11/2023 của Trường đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Trường ĐHTDM tại Công văn số 696/ĐHTDM-TC ngày 09/11/2023 và Công văn số 883/ĐHTDM-TC ngày 29/12/2023, ý kiến của Vụ Tổ chức Cán bộ tại Công văn số 73/TCCB ngày 16/01/2024 và tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo Kết luận thanh tra, Chánh Thanh tra Bộ GDĐT kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Trường ĐHTDM là cơ sở giáo dục ĐH công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Trụ sở chính của Trường tại số 06, Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và cơ sở đào tạo tại Phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, Bình Dương.

2. Trường hiện có Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 07 khoa, 16 phòng, ban chức năng, 9 trung tâm, 03 viện đa chức năng và 01 viện nghiên cứu và các tổ chức Đảng bộ cơ sở, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên. Đội ngũ giảng viên, nhân viên của Trường thời điểm thanh tra là 744 người (681 giảng viên và 63 nhân viên), trong đó có 21 giáo sư, phó giáo sư, 173 tiến sĩ (TS), 487 thạc sĩ (ThS).

3. Trường ĐHTDM hiện đang đào tạo 55 ngành trình độ ĐH, 11 ngành trình độ ThS, 01 ngành trình độ TS. Quy mô sinh viên, học viên tính đến tháng 9/2023 là 14.037 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (trong đó 06 nghiên cứu sinh, 411 học viên cao học, 13.620 sinh viên ĐH).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH TỰ CHỦ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Các điều kiện để thực hiện quyền tự chủ

a) Hội đồng Trường: Hội đồng trường của Trường ĐHTDM nhiệm kỳ 2017 - 2022 được thành lập theo quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương với tổng số 16 người. Khi Luật Giáo dục ĐH sửa đổi bổ sung năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14) và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/1999 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 34/2018/QH14 có hiệu lực, Trường có tờ trình số 50/ĐHTDM-HĐTr ngày 13/3/2020 về phương án kiện toàn HĐT và Tờ trình số 101/TTr-HĐTr(TC) ngày 25/3/2021 về phương án kiện toàn HĐT đề nghị UBND tỉnh kiện toàn Hội đồng trường, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh Bình Dương có kết luận và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương chỉ đạo¹ nhưng UBND tỉnh không ban hành quyết định kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2017-2022. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023-2028, được công nhận tại Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương gồm 17 người.

b) Trường đạt chuẩn kiểm định cấp Trường và được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐH Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh công nhận và cấp giấy chứng nhận chu kỳ 2017-2022 theo Quyết định số 124/QĐ-TTKĐ ngày 16/11/2017, chu kỳ 2023-2028 theo Quyết định số 45/QĐ-TTKĐ ngày 29/03/2023. Có 23 CTĐT trình độ ĐH và 5 CTĐT trình độ ThS đạt chuẩn kiểm định và được các tổ chức kiểm định trong và ngoài nước công nhận.

c) Trường đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ của Trường và có chính sách bảo đảm chất lượng và các quy định có liên quan khác².

d) Quy định phân quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm giải trình của đơn vị và cá nhân thuộc Trường: Trường thực hiện phân quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình đến từng cá nhân, đơn vị thuộc Trường trong Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của từng đơn vị; Quy định chế độ làm việc của cán bộ, viên chức và người lao động và các quy định nội bộ có liên quan.

đ) Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng

Trường thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục năm học theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT tại địa chỉ <https://tdmu.edu.vn/tt36>; Công khai tuyển sinh tại địa chỉ: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Category/65>; Công khai thông tin về bằng chứng chỉ: <https://tdmu.edu.vn/van-bang-chung-chi>; Công khai các thông tin khác như tầm nhìn, sứ mệnh, CTĐT và nội dung khác tại địa chỉ: <https://tdmu.edu.vn/tt36>.

¹ Kết luận số 601-KL/BCSD ngày 21/4/2020 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Bình Dương; Văn bản số 299/TB-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Bình Dương thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp với Chủ tịch Hội đồng trường và Lãnh đạo Trường ĐHTDM.

² Quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Trường ĐHTDM ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTDM; Quyết định số 07/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Trường ĐHTDM ban hành quy chế quản lý viên chức, người lao động của Trường ĐHTDM; Quyết định số 08/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Trường ĐHTDM ban hành quy chế quản lý tài chính của Trường ĐHTDM; Quyết định số 09/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Trường ĐHTDM ban hành quy chế thực hiện công khai của Trường ĐHTDM; Quyết định số 10/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Trường ĐHTDM ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHTDM; Quyết định số 256/QĐ-ĐHTDM ngày 17/02/2020 của Trường ĐHTDM về việc phân quyền tự chủ đối với cá nhân, đơn vị thuộc Trường ĐHTDM.

Về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm: Theo báo cáo của Trường năm 2020 tỷ lệ sinh viên có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi: 80,96%; năm 2021 tỷ lệ sinh viên có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi: 77,58% và năm 2022 tỷ lệ sinh viên có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi: 79,73%.

Như vậy, trong thời kỳ thanh tra, Hội đồng trường của Trường ĐHTDM chưa đảm bảo quy định là số lẻ theo điểm a khoản 3 Điều 16 Luật Giáo dục ĐH 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Luật Giáo dục ĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14). Trường đã có đề nghị kiến toàn Hội đồng trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục ĐH, UBND tỉnh Bình Dương đã có ý kiến chỉ đạo nhưng không ban hành văn bản kiến toàn.

2. Thực hiện quyền tự chủ về các nội dung

Trường được UBND tỉnh Bình Dương giao thực hiện tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn; tự chủ về tổ chức và nhân sự; tự chủ trong tài chính và tài sản theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về phân cấp quản lý, tổ chức, biên chế và cán bộ công chức, viên chức người lao động trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2022-2026 đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

II. VIỆC TỰ CHỦ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tự chủ mở 16 ngành trình độ ĐH³.

1. Việc đảm bảo về trình tự, thủ tục và hồ sơ tự chủ mở ngành đào tạo

Trường xây dựng Đề án mở ngành trình độ ĐH và thực hiện trình tự thủ tục mở ngành theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ ĐH. Hồ sơ mở ngành gồm: Nghị quyết của Hội đồng trường về chủ trương mở ngành đào tạo; Đề án mở ngành đào tạo; Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu, Phiếu tự đánh giá thực hiện các điều kiện mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo; minh chứng về nhu cầu xã hội đối với ngành dự kiến mở mới; các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình đảm bảo điều kiện tổ chức giảng dạy ngành theo quy định.

Chương trình đào tạo (CTĐT) được Trường xây dựng, thẩm định theo quy định, CTĐT có tổng khối lượng kiến thức tối thiểu từ 120 tín chỉ trở lên, đảm bảo quy định

³ Ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Ngành Kiểm toán, Ngành Công nghệ thông tin, Ngành Marketing, Ngành Thương mại điện tử, Ngành Công nghệ thực phẩm, Ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Ngành Công nghệ Sinh học, Ngành Kỹ thuật môi trường, Ngành Quan hệ quốc tế, Ngành Quản lý văn hóa, Ngành Quản lý công, Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngành Toán kinh tế, Ngành Truyền thông đa phương tiện, Ngành Du Lịch

tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GDĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH.

Các ngành dự kiến mở chưa có trong Danh mục đào tạo tại thời điểm mở ngành, Trường đã làm rõ luận cứ khoa học, nhu cầu của xã hội về ngành mới; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới kèm theo ít nhất 02 (hai) CTĐT tham khảo của cơ sở giáo dục ĐH nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng hoặc cho phép thực hiện và cấp văn bằng.

2. Việc đảm bảo điều kiện về đội ngũ giảng viên mở ngành

2.1. Ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông, mã số 7520207

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê mở ngành gồm 10 giảng viên trong đó có 01 TS ngành Điện tử viễn thông là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 03 TS⁴, 6 ThS⁵. Tất cả giảng viên đều trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông của Trường bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 915/QĐ-ĐHTDM ngày 26/6/2020 mở ngành và giao Viện kỹ thuật Công nghệ quản lý.

2.2. Ngành Kiểm toán, mã số 7340302

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 giảng viên trong đó có 01 TS ngành Kế toán là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 9 ThS Kế toán. Tất cả giảng viên đều trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực kiểm toán trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Kiểm toán bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 399/QĐ-ĐHTDM ngày 17/3/2022 mở ngành và giao Khoa kinh tế quản lý.

2.3. Ngành Công nghệ thông tin, mã số 7480201

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 giảng viên trong đó có 01 TS ngành Kỹ thuật máy tính là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 01 TS, 8 ThS⁶. Tất cả giảng viên đều trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương

⁴ TS Kỹ thuật Điện – Điện tử; TS Điện tử vô tuyến; TS Kỹ thuật điện tử.

⁵ Th.S Kỹ thuật điện tử; Th.S Kỹ thuật điện tử; Th.S Kỹ thuật điện tử; Th.S Kỹ thuật điện tử; Th.S Kỹ thuật điện tử; Th.S Kỹ thuật vô tuyến điện)

⁶ TS Khoa học máy tính, ThS Công nghệ thông tin; ThS Truyền dữ liệu và mạng máy tính; ThS Khoa học máy tính; ThS Công nghệ thông tin; ThS Khoa học máy tính; ThS Khoa học máy tính; ThS Công nghệ thông tin; ThS Công nghệ thông tin.

của Trường tại thời điểm mở ngành. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Công nghệ thông tin bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 915/QĐ-ĐHTDM ngày 26/6/2020 mở ngành và giao Viện kỹ thuật Công nghệ quản lý.

2.4. Ngành Marketing, mã số 7340115

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 giảng viên: TS ngành Quản trị kinh doanh, là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và có 09 ThS (08 ThS ngành QTKD; 01 ThS ngành Quản lý quốc tế). Trường xác định ngành đào tạo trình độ TS của giảng viên chủ trì ngành và ngành đào tạo trình độ ThS của giảng viên là ngành gần với ngành Marketing.

Tất cả giảng viên đều trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực marketing trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Marketing bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 1794/QĐ-ĐHTD1 ngày 26/11/2021 về việc mở ngành đào tạo Marketing và giao Khoa Kinh tế quản lý.

2.5. Ngành Thương mại điện tử, mã số 7340122

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 giảng viên: TS ngành Quản trị kinh doanh, là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và có 09 ThS (03 ThS ngành QTKD; 01 ThS ngành Thương mại quốc tế và tài chính, 01 ThS ngành Truyền thông tiếp thị, 01 ThS kinh doanh thương mại, 01 ThS kinh doanh, 01 ThS ngành Kinh doanh quốc tế). Trường xác định ngành đào tạo trình độ TS của giảng viên chủ trì ngành và ngành đào tạo trình độ ThS của giảng viên là ngành gần với ngành Thương mại điện tử.

Tất cả giảng viên đều trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực thương mại điện tử trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Thương mại điện tử bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 1794/QĐ-ĐHTDM ngày 26/11/2021 về việc mở ngành đào tạo Thương mại điện tử và giao Khoa Kinh tế quản lý.

2.6. Ngành Công nghệ thực phẩm, mã số 7540101

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 12 giảng viên, trong đó có 01 TS ngành Công nghệ sinh học và môi trường là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 01 TS Chế biến Thủy sản, 01

TS Hóa sinh, 01 TS. Vật lý, 08 ThS. Có 11 giảng viên trong độ tuổi lao động, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực Công nghệ thực phẩm trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Công nghệ thực phẩm bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 05/QĐ-ĐHTDM ngày 14/01/2020 về việc mở ngành đào tạo Công nghệ thực phẩm và giao Viện phát triển ứng dụng quản lý.

2.7. Ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, mã số 7540106

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 giảng viên, trong đó TS ngành Kỹ thuật là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 01 TS Công nghệ sinh học, 1 PGS.TS Hóa, 07 ThS. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Các giảng viên trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 05/QĐ-ĐHTDM ngày 14/01/2020 về việc mở ngành đào tạo Công nghệ thực phẩm và giao Viện phát triển ứng dụng quản lý.

2.8. Ngành Công nghệ Sinh học, mã số 7420201

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 giảng viên, trong đó có TS ngành Công nghệ sinh học là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 01 TS. Y sinh học, 01 TS. Gen y học, 07 ThS. Các giảng viên đều trong độ tuổi lao động, có tên trong bảng lương, có đủ hồ sơ theo quy định.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Công nghệ sinh học bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 25/QĐ-ĐHTDM ngày 25/9/2020 về việc mở ngành đào tạo Công nghệ sinh học và giao Viện phát triển ứng dụng quản lý.

2.9. Ngành Kỹ thuật môi trường, mã số 7520302

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 người, trong đó có 01 TS ngành Công nghệ môi trường là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 01 TS. Hóa vô cơ, 01 TS Khoa học - Quản lý môi trường, 06 ThS, 01 Cử nhân Khoa học môi trường. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực Kỹ thuật môi trường trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT. Có 01 giảng viên hết độ tuổi lao động,

có HDLĐ hằng năm từ 2017 đến 2023); 08 giảng viên trong độ tuổi lao động có đủ hồ sơ theo quy định; 01 giảng viên trong độ tuổi lao động ký HDLĐ có thời hạn từ năm 2016 đến năm 2019.

Trường có Quyết định số 25/QĐ-ĐHTDM ngày 25/9/2020 về việc mở ngành đào tạo Kỹ thuật Môi trường giao Khoa Khoa học quản lý là đơn vị quản lý.

2.10. Ngành Quan hệ quốc tế, mã số 7310206

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê đăng ký mở ngành gồm 12 giảng viên, trong đó có TS ngành Lịch sử thế giới là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 03 TS (02 TS Sử học, 01 TS lịch sử thế giới), 08 ThS. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực Quan hệ quốc tế trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Có 11 giảng viên trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Quan hệ quốc tế bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 25/QĐ-ĐHTDM ngày 25/9/2020 về việc mở ngành đào tạo Quan hệ quốc tế và giao đơn vị quản lý là Khoa Khoa học quản lý.

2.11. Ngành Quản lý văn hóa, mã số 7229042

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 15 người trong đó 1 PGS.TS ngành Văn hóa học hết tuổi lao động; 01 TS Văn học Việt Nam, 01 TS Ngành Văn học, 01 TS Nhân học; 06 ThS (03 ThS Văn hóa học, 02 ThS Quản lý văn hóa, 01 ThS Dân tộc học).

Có 14 giảng viên trong độ tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Giảng viên chủ trì ngành là TS ngành Văn hóa là ngành đúng với ngành tự chủ mở đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Quản lý văn hóa bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 1794/QĐ-ĐHTDM ngày 26/11/2021. Đơn vị quản lý: Khoa Công nghiệp văn hóa.

2.12. Ngành Quản lý công, mã số 7340403

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 10 người trong đó có 01 TS ngành Quản lý công là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT và 09 ThS (02 ThS Quản lý hành chính công, 04 ThS Quản lý công, 02 ThS Chính sách công, 01 ThS Luật hành chính).

Có 09 giảng viên trong độ tuổi lao động, 01 giảng viên đã hết tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ bằng cấp theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường tại thời điểm mở ngành. Giảng viên chủ trì ngành là TS ngành Quản lý công là ngành đúng với ngành tự chủ mở đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư

số 22/2017/TT-BGDĐT. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm mở ngành Quản lý công bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 1794/QĐ-ĐHTDM ngày 26/11/2021 về mở ngành đào tạo Quản lý công. Đơn vị quản lý ngành đào tạo: Khoa Khoa học Quản lý.

2.13. Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, mã số 7220210

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê có 10 giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trở lên gồm 02 TS trong đó có 01 TS ngành Ngôn ngữ học chủ trì ngành, 01 ThS Giáo dục học, 01 ThS ngành Ngôn ngữ học, 1 ThS Ngôn ngữ học ứng dụng, 1ThS Ngôn ngữ học, 1 ThS ngành Ngôn ngữ ứng dụng. Các giảng viên cơ hữu trong đội tuổi lao động, có đầy đủ hồ sơ theo quy định, có tên trong bảng lương của Trường.

Đội ngũ giảng viên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc thời điểm mở ngành đảm bảo điều kiện về giảng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 915/QĐ-ĐHTDM ngày 26/6/2020 mở ngành và giao đơn vị quản lý chuyên trách ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc cho Khoa Ngoại ngữ.

2.14. Ngành Toán kinh tế, mã số 7310108

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 15 giảng viên trong đó có 03 TS (01 TS Toán giải tích, 01 TS Toán học, 1 TS Toán ứng dụng), 12 ThS (01 ThS Toán ứng dụng, 01 ThS Hình học Topo, 03 ThS Đại số và lý thuyết số, 01 ThS Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán, 01ThS Toán giải tích). Các giảng viên đang trong đội tuổi lao động, có tên trong bảng lương của Trường, có đầy đủ hồ sơ, quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức, phiếu xếp loại viên chức hằng năm theo quy định.

Ngành Toán kinh tế thời điểm mở ngành đảm bảo điều kiện về giảng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 915/QĐ-ĐHTDM ngày 26/6/2020 về việc mở ngành Toán kinh tế và giao nhiệm vụ cho Khoa Sư phạm là đơn vị chuyên môn quản lý ngành đào tạo.

2.15. Ngành Truyền thông đa phương tiện, mã số 7320104

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 15 giảng viên trong đó có 01 phó giáo sư TS ngành Văn hóa học; 02 TS ngành lịch sử Việt nam; 07 ThS. Giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT. Các giảng viên trong độ tuổi lao động, có tên trong bảng lương của Trường, có đủ điều kiện là giảng viên cơ hữu của Trường; có đầy đủ hồ sơ, quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức, phiếu xếp loại viên chức hằng năm theo quy định.

Ngành Truyền thông đa phương tiện thời điểm mở ngành đảm bảo điều kiện về giảng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 25/QĐ-TDM ngày 25/9/2020 mở ngành Truyền thông đa phương tiện, giao khoa Công nghiệp Văn hóa là đơn vị quản lý ngành đào tạo.

2.16. Ngành Du lịch, mã số 7810101

Đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ khoa học được Trường thống kê gồm 13 người, trong đó có 02 TS (01 TS ngành Quản lý du lịch, 01 TS ngành Địa lý); 08 ThS. Các giảng viên đều trong độ tuổi lao động, đủ điều kiện là giảng viên cơ hữu của Trường; có đầy đủ hồ sơ, quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức, phiếu xếp loại viên chức hằng năm theo quy định.

Ngành Du lịch thời điểm mở ngành đảm bảo điều kiện về giảng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trường có Quyết định số 05/QĐ-ĐHTDM ngày 14/01/2020 mở ngành đào tạo Du lịch và giao Khoa Công nghiệp văn hóa quản lý.

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

Trường thực hiện rà soát, chỉnh sửa, ban hành CTĐT các trình độ của Trường định kỳ 2 năm/lần. Tháng 10/2022, Trường thực hiện rà soát, cập nhật lại CTĐT theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, Trường có Quyết định 1456/QĐ-ĐHTDM ngày 06/10/2022 ban hành CTĐT.

Các CTĐT trình độ ĐH có khối lượng kiến thức tối thiểu từ 120 đến 150 tín chỉ, chưa bao gồm khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh. Nội dung CTĐT đáp ứng quy định tại thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

CTĐT trình độ ThS có khối lượng kiến thức toàn khóa 60 tín chỉ. Nội dung CTĐT đáp ứng quy định tại thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

CTĐT trình độ TS có khối lượng kiến thức toàn khóa 90 tín chỉ với người học có trình độ ThS, 120 tín chỉ với người học có trình độ ĐH thuộc cùng nhóm ngành. Nội dung CTĐT được thiết kế: có 80% nghiên cứu khoa học và luận án TS; Kiến thức chuyên ngành: học phần TS 15 TC, Tiểu luận tổng quan và chuyên đề 20 tín chỉ, Luận án 55 tín chỉ. Nội dung CTĐT đáp ứng quy định tại thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại thời điểm thanh tra

2.1 Trình độ đại học

a) Kiểm tra xác suất 07 ngành (Ngành Giáo dục học, Ngành Mỹ thuật, Ngành Văn học, Ngành Quản lý nhà nước, Ngành Quản trị kinh doanh, Ngành Hóa học, Ngành Kỹ thuật môi trường) về đảm bảo điều kiện giảng viên giảng dạy chương trình: Trường bố trí 01 TS/PGS ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu của các ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy ĐH hơn 3 năm chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT; 05 TS có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy các thành phần trong CTĐT phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2

Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

b) Kiểm tra việc đảm bảo điều kiện đối với giảng viên chịu trách nhiệm chủ trì ngành đào tạo trình độ ĐH:

Có 11 ngành⁷, Trường dừng tuyển sinh từ năm 2022 và có Công văn số 539/ĐHTDM-ĐTĐH ngày 22/10/2021 báo cáo Bộ GDĐT; 02 ngành⁸ Trường dừng tuyển sinh từ năm 2023 và có Công văn số 342/ĐHTDM-ĐTĐH ngày 22/6/2023 báo cáo Bộ GDĐT. Trong số 13 ngành dừng tuyển sinh, hiện có 04 ngành không có sinh viên theo học (Quản lý văn hóa, Quản lý công, Toán Kinh tế, Quản lý đô thị).

10 ngành đào tạo chưa có trong danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục ĐH⁹, Trường tự xác định mỗi ngành có 01 TS/PGS là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện bảo đảm ngành đào tạo trình độ ĐH của các ngành khác có chuyên môn phù hợp, có các công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy ĐH, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT¹⁰.

10 ngành đào tạo¹¹ có trong danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục ĐH, Trường tự xác định các ngành trên chưa có nhiều người tốt nghiệp và xác định mỗi ngành có 01 TS/PGS có chuyên môn phù hợp, có các công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đào tạo, là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện bảo đảm ngành đào tạo trình độ ĐH của các ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy ĐH chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT.

Các ngành đào tạo còn lại của Trường, mỗi ngành có 01 TS có ngành phù hợp, là giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện CTĐT. Trường ĐHTDM được UBND tỉnh Bình Dương giao tự chủ việc tuyển dụng viên chức kể từ 01/10/2022¹². Giảng viên có chuyên môn phù hợp của một số ngành hết độ tuổi lao động được Trường ký hợp đồng toàn thời gian. Việc ký hợp đồng giảng viên toàn thời gian của Trường phù hợp với quy định về giảng viên tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện,

⁷ Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Toán Kinh tế, Chính trị học, Địa lý học, Quốc tế học, Sinh học ứng dụng, Vật lý học, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Quản lý đô thị.

⁸ Quản lý văn hóa, Quản lý công.

⁹ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GDĐT ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ ThS, TS; Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GDĐT ban hành danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục ĐH.

¹⁰ Ngành Thiết kế đồ họa; ngành Quản lý nhà nước; ngành Truyền thông đa phương tiện; ngành Kiểm toán; ngành Marketing; ngành Thương mại điện tử; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; ngành Công nghệ chế biến lâm sản; ngành Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm; Mỹ thuật.

¹¹ Ngành Quốc tế học; Ngành Kế toán; Ngành Kỹ thuật phần mềm; Ngành Trí tuệ nhân tạo; Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Ngành Kỹ thuật cơ điện tử; Ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông; Ngành Du lịch; Ngành Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Hàn Quốc.

¹² UBND tỉnh Bình Dương đã phân cấp cho Trường trong việc tuyển dụng, quản lý viên chức theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về phân cấp quản lý, tổ chức, biên chế và cán bộ công chức, viên chức người lao động trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, ThS, TS.

Kiểm tra hồ sơ giảng viên cơ hữu chủ trì 07 ngành¹³ thấy có đủ hồ sơ giảng viên theo quy định.

2.2 Trình độ thạc sĩ

Trường hiện đang thực hiện quản lý, đào tạo 11 ngành trình độ ThS.

a) Kiểm tra xác suất 03 ngành (Ngành Quản trị kinh doanh¹⁴, Ngành Khoa học môi trường¹⁵, Ngành Lịch sử Việt Nam¹⁶) về bảo đảm điều kiện giảng viên giảng dạy CTĐT: Mỗi ngành có 05 TS ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT;

b) Kiểm tra hồ sơ giảng viên cơ hữu/toàn thời gian chủ trì đào tạo 11 ngành đào tạo trình độ ThS, mỗi ngành có phó giáo sư ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT bảo đảm quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

c) Có đủ số lượng người hướng dẫn học viên cao học thực hiện luận văn ThS theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 quy chế đào tạo trình độ ThS ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GDĐT, nay là khoản 3 Điều 8 quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GDĐT.

2.3 Trình độ Tiến sĩ

a) Trường hiện đang thực hiện quản lý, đào tạo 01 ngành Lịch sử Việt Nam trình độ TS. Kiểm tra điều kiện đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình TS nhận thấy có 02 phó giáo sư ngành phù hợp và 05 TS ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình TS đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

b) Có đủ số lượng người hướng dẫn cho NCS theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ TS; điểm c, khoản 4 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

3. Cơ sở vật chất, học liệu

Diện tích đất của Trường: là 627.338m², gồm: Trụ sở chính tại Số 6, Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có diện tích 51.143m² đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT54552 ngày 13/4/2020. Cơ sở 2 tại địa chỉ số Lô A1, A2, Đường NA2, KCN Thới Hòa, P. Thới Hòa, TX. Bến

¹³ Ngôn ngữ Trung Quốc; Kiểm toán; Luật, Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật cơ điện tử; Du lịch.

¹⁴ 01 PGS.TS Kinh tế và 04 TS ngành Quản trị kinh doanh;

¹⁵ 01 PGS.TS Hóa học (bằng TS Môi trường đất và nước); 01 TS Khoa học nông nghiệp, 02 TS khoa học môi trường, 01 TS kỹ thuật môi trường

¹⁶ 01 PGS Sử học (bằng TS Lịch sử); 04 TS Lịch sử Việt Nam.

Cát, Bình Dương, phường Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương có diện tích 576.195 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là 65.672 m², gồm: 02 Hội trường lớn trên 200 chỗ; 6 phòng họp, hội thảo; 120 phòng học từ 50 - 200 chỗ; 53 phòng học dưới 50 chỗ; 24 phòng học máy tính, ngoại ngữ; 17 phòng học đa năng - phòng học khác; 05 phòng là Thư viện/trung tâm học liệu; 117 phòng thí nghiệm, phòng thực hành; 66 phòng làm việc của Nhà hiệu bộ, các phòng khác. Hiện tại các phòng học, phòng làm việc được trang bị: 248 cái tivi, màn hình chuyên dụng, máy chiếu, 753 máy lạnh, máy in, máy scan, 828 máy tính cho thực hành CNTT và cán bộ, văn phòng khoa, thư viện.

Trung tâm Học liệu với tổng diện tích 1.980m² với 05 phòng chức năng có sức chứa tối đa gần 500 chỗ ngồi. Trung tâm học liệu được trang bị phần mềm Libol hỗ trợ nghiệp vụ, xử lý tài liệu; có hệ thống công từ và quản lý tài liệu bằng công nghệ RFID; các thiết bị như máy tính, máy in, máy scan, photocopy, thiết bị giúp bạn đọc tự mượn trả;... Tất cả tài liệu được biên mục theo MARC21 và được tổ chức để tra cứu online, có website riêng tích hợp các CSDL điện tử; số hóa tài liệu được thực hiện thường xuyên và tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ. Trường ký kết hợp tác trao đổi và chia sẻ nguồn tin điện tử với nhiều trường ĐH và các tổ chức: NASATI, VILASALL, SAHEP, NALA, VJOL,...

Giáo trình, tài liệu học tập: Trường có 54.698 tài liệu với 159.967 bản tài liệu các loại, trong đó có hơn 30.000 tài liệu điện tử và hơn 24.000 tài liệu dạng giấy, cung cấp đủ tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo cho người học. Trung bình mỗi năm Trung tâm học liệu bổ sung hơn 1.500 tài liệu với 5.000 bản.

C. KẾT LUẬN

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Trường được UBND tỉnh Bình Dương giao tự chủ theo quy định của pháp luật. Trường đã cập nhật đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT để thực hiện việc mở ngành, việc đảm bảo duy trì các điều kiện đã được mở ngành đào tạo bảo đảm các điều kiện theo quy định.

2. Trường thực hiện xây dựng đề án mở ngành, thực hiện trình tự thủ tục mở ngành đào tạo và các quy định đảm bảo ngành đào tạo cơ bản bám sát quy định của Bộ GDĐT và điều kiện thực tế của Trường

3. Trường có nhiều cố gắng trong việc bảo đảm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ cho giảng dạy theo quy định của Bộ GDĐT.

II. THIẾU SÓT, VI PHẠM VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN

1. Thiếu sót

a) Có 11 ngành, Trường dừng tuyển sinh từ năm 2022 và có Công văn số 539/ĐHTDM-ĐTĐH ngày 22/10/2021 báo cáo Bộ GDĐT; 02 ngành Trường

dừng tuyển sinh từ năm 2023 và có Công văn số 342/ĐHTDM-ĐTĐH ngày 22/6/2023 báo cáo Bộ GDĐT, trong đó có ngành, khi thực hiện mở ngành, Trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu xã hội không đầy đủ dẫn đến không tuyển sinh được hoặc tuyển sinh với số lượng rất thấp kể từ khi mở ngành.

Trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác tuyển sinh của Trường.

b) Tại thời điểm mở ngành có 7/16 ngành Trường tự chủ mở có giảng viên chủ trì, tổ chức thực hiện CTĐT không có ngành phù hợp với ngành dự kiến mở, Trường tự xác định các giảng viên chủ trì ngành có đủ 5 năm giảng dạy ĐH và có công trình nghiên cứu khoa học, bài báo về lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT.

Trách nhiệm thuộc về Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách mở ngành và bộ phận tham mưu của Trường.

2. Vi phạm

UBND tỉnh Bình Dương chưa kịp thời ban hành quyết định kiện toàn HĐT nhiệm kỳ 2017 -2022 là chưa đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP.

Trách nhiệm thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không

Đ. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. CHẤM CHỈNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ

1. Đối với Trường Đại học Thủ Dầu Một

a) Rà soát toàn bộ hệ thống văn bản nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐT và của Trường kịp thời chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới văn bản theo thẩm quyền thực hiện quản lý các hoạt động về tuyển sinh, đào tạo của Trường theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Rà soát và bổ sung đội ngũ giảng viên cơ hữu bảo đảm điều kiện đào tạo ngành theo quy định về chuẩn CTĐT.

c) Rà soát, xây dựng, chỉnh sửa và ban hành CTĐT các ngành, các trình độ đào tạo bảo đảm theo quy định về chuẩn CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

d) Rà soát báo cáo Vụ Giáo dục ĐH, xử lý theo quy định pháp luật đối với các ngành Trường không tổ chức tuyển sinh và/hoặc không tuyển sinh được hoặc đã tạm dừng tuyển sinh.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Phối hợp với Bộ GDĐT thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục ĐH thuộc quyền quản lý trên địa bàn theo quy định

khoản 37 Điều 1 Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo DH; Điều 6 Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

3. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ GDĐT giao Vụ Giáo dục Đại học

a) Tham mưu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ DH, thạc sĩ, tiến sĩ theo hướng quy định rõ việc xác định ngành của giảng viên cơ hữu chủ trì tổ chức thực hiện CTĐT.

b) Hướng dẫn Trường xử lý theo quy định pháp luật đối với các ngành Trường không tổ chức tuyển sinh và/hoặc không tuyển sinh được hoặc đã tạm dừng tuyển sinh.

II. XỬ LÝ VỀ HÀNH CHÍNH

1. Trường Đại học Thủ Dầu Một

a) Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm (nếu có) của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Trường để xảy ra những thiếu sót, vi phạm nêu trên theo quy định pháp luật.

b) Báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra về Thanh tra Bộ GDĐT sau 30 ngày kể từ ngày Kết luận này được ban hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

a) Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm (nếu có) của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh trong việc không kịp thời ban hành quyết định kiện toàn HĐT, Trường ĐHTDM nhiệm kỳ 2017 - 2022 nêu trên theo quy định pháp luật.

b) Báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra về Thanh tra Bộ GDĐT sau 30 ngày kể từ ngày Kết luận này được ban hành.

III. THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA

Giao Phòng Thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Bộ GDĐT thực hiện theo dõi, đôn đốc, tham mưu kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị tại kết luận thanh tra đối với Trường, tổng hợp kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra để báo cáo theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thương (để báo cáo);
- Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Dương (để phối hợp);
- Trường ĐH Thủ Dầu Một (để thực hiện);
- Vụ GDĐH (để phối hợp);
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr (T.L.Đức - 09 bản).
(được phép sao chụp sau khi công khai)

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Đức Cường